KB Securities VIETNAM

# VIETNAM DAILY

**[Điểm nhấn thị trường]**
TTCK Việt Nam tăng điểm nhờ diễn biến hồi phục ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn
**[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]**
Cả 4 HĐTL đều tăng điểm

**[Cổ phiếu tác động đến thị trường]**
TCB, VPB

**[Vĩ Mô/Chiến Lược]**
Hoạt động Xuất nhập khẩu Tháng 11

**[Quan điểm đầu tư]**
Nắm giữ vị thế trung hạn ở mức cân bằng, cân nhắc đóng dần các vị thế ngắn hạn

**12/12/2019**

| | Chỉ số | Thay đổi (%, bp) |
|---|---|---|
| **VNIndex** | 968.17 | +0.66 |
| **VN30** | 884.80 | +0.74 |
| **HĐTL VN30** | 885.00 | +0.11 |
| **HNXIndex** | 102.71 | +0.32 |
| **HNX30** | 180.91 | +0.37 |
| **UPCoM** | 55.52 | +0.22 |
| **USD/VNĐ** | VND23,171 | -0.02 |
| **Lợi suất TPCP 10 năm (%)** | 3.52 | +1 |
| **Lãi suất qua đêm (%)** | 3.83 | -6 |
| **Dầu (WTI, $)** | 58.76 | +0.00 |
| **Vàng (LME, $)** | 1,472.65 | -0.15 |

# Điểm nhấn thị trường

| | |
|---|---|
| **VNIndex** | **968.17 (+0.66%)** |
| **KLGD (triệu CP)** | **154.6 (-2.5%)** |
| **GTGD (triệu U$)** | **64.6 (-65.8%)** |
| **HNXIndex** | **102.71 (+0.32%)** |
| **KLGD (triệu CP)** | **23.7 (+61.9%)** |
| **GTGD (triệu U$)** | **3.8 (-47.5%)** |
| **UPCoM** | **55.52 (+0.22%)** |
| **KLGD (triệu CP)** | **5.8 (-24.4%)** |
| **GTGD (triệu U$)** | **1.7 (-65.9%)** |
| **NĐTNN mua ròng (triệu U$)** | **-7.4** |

TTCK Việt Nam tăng điểm trong phiên hôm nay nhờ diễn biến hồi phục ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn (MSN, VCB, VNM…) sau giai đoạn điều chỉnh mạnh trước đó. Hai chỉ số mở cửa với mức tăng nhẹ quanh tham chiếu, trước khi lực cầu tăng dần về cuối phiên, giúp chỉ số VNIndex đóng cửa ở sát mức cao nhất trong ngày. Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn diễn biến tích cực hơn so với thị trường chung. Xét riêng trong rổ cổ phiếu VN30 có 20 mã tăng và 5 mã giảm điểm. Cổ phiếu ngành ngân hàng cũng có giao dịch khởi sắc trong phiên hôm nay với hàng loạt các mã tăng điểm như VCB, BID, TCB… Đáng chú ý, nhóm cổ phiếu mang tính thị trường cao tiếp tục tăng mạnh với các mã tăng trần như KLF, HAI, HAR, AMD… Khối nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng phiên thứ 3 liên tiếp, tập trung ở HPG, KBC, SSI.

**VN Index & HNX Index**

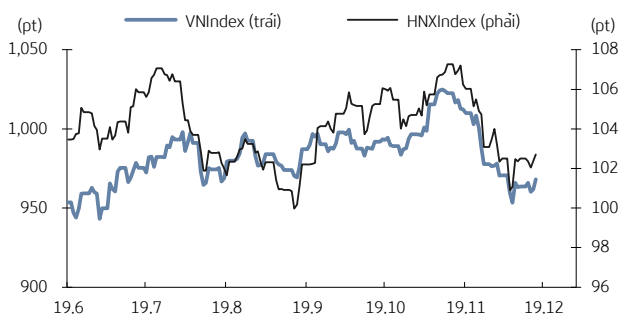


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Biến động nhóm ngành**

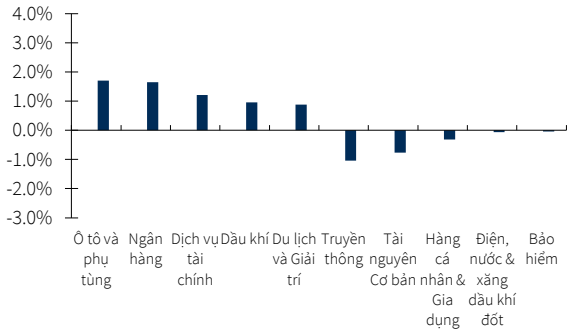


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm**

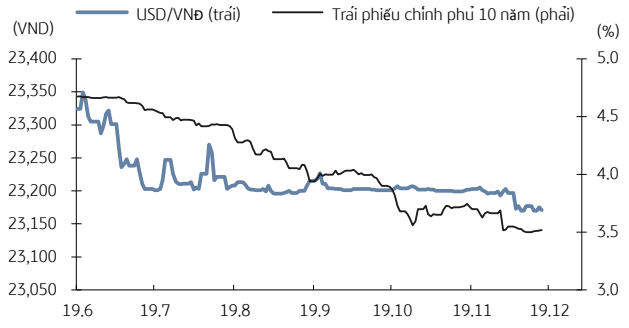


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Việt Nam – Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng**

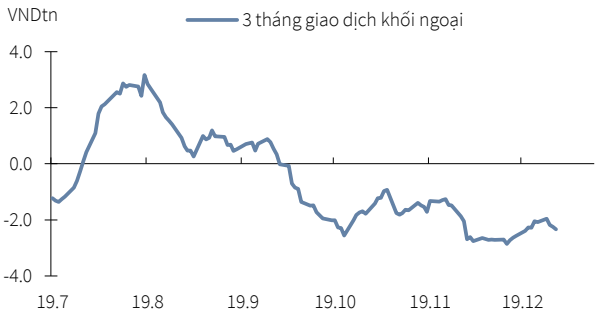


Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

| | |
|---|---|
| **VN30** | **884.80 (+0.74%)** |
| **VN30 tương lai** | **885.0 (+0.11%)** |
| **Mở cửa** | **884.1** |
| **Cao nhất** | **887.3** |
| **Thấp nhất** | **882.4** |
| **Hợp đồng** | **63,920 (-32.1%)** |
| **KL HĐ mở OI** | **18,052 (-6.0%)** |

Cả 4 HĐTL đều tăng điểm trong phiên hôm nay, phù hợp với diễn biến tăng của chỉ số VN30 Index. Thanh khoản thị trường và khối lượng HĐ mở đều sụt giảm nhẹ. Chênh lệch giữa các HĐ với chỉ số VN30 được thu hẹp lại đáng kể, quanh mức 1-10 điểm.

**HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index**

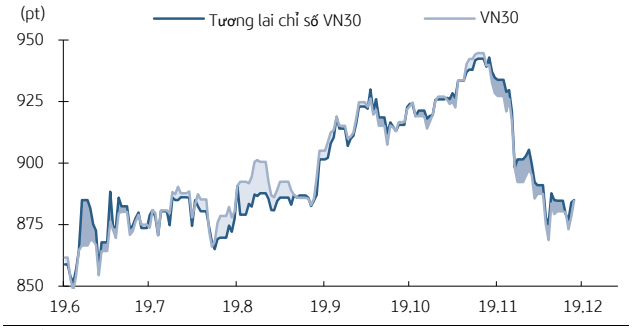


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index**

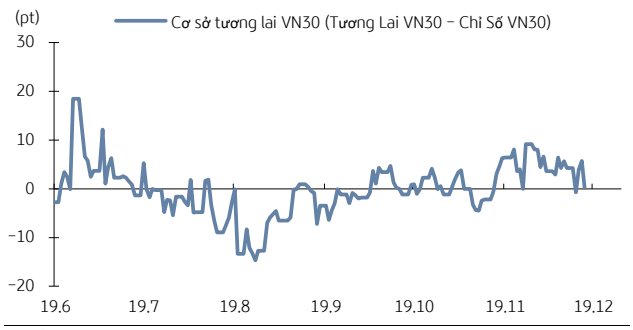


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở**

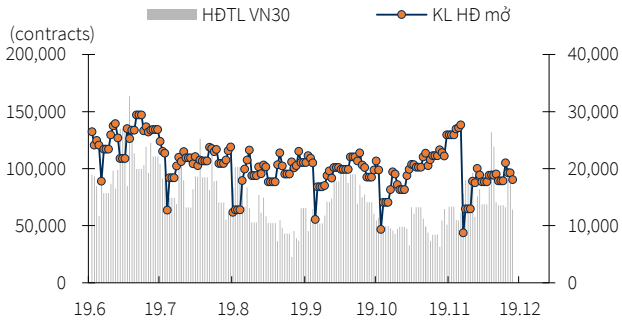


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Quy mô các quỹ ETFs lớn**

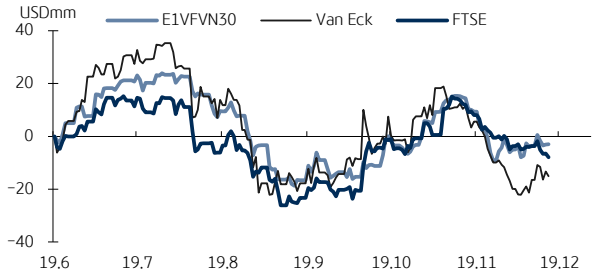


Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

**Techcombank (TCB)**

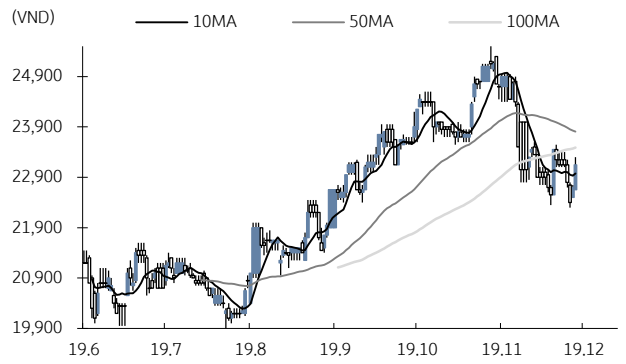


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TCB tăng 2% đóng cửa ở mức 23,150 VNĐ/cp.

- TCB thông báo hoàn tất chào bán riêng lẻ 3.000 tỷ đồng trái phiếu với tỷ lệ thành công 100%. Trái chủ là nhà đầu tư tổ chức, số lượng cụ thể không được công bố. Trái phiếu phát hành là loại không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải nợ thứ cấp. Lãi suất trái phiếu cố định 6,9%/năm được thanh toán sau, định kỳ hàng năm vào ngày tròn năm tính từ ngày phát hành.

**VPBank (VPB)**

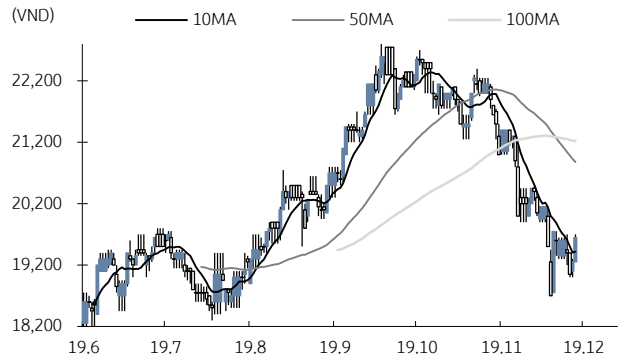


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VPB tăng 2.1% đóng cửa ở mức 19,650 VNĐ/cp.

- Ông Nguyễn Đức Vinh, Tổng Giám đốc VPBank đăng ký mua hơn 1 triệu cổ phiếu VPB trong chương trình ESOP. Trước đó, ông Vinh đã mua thành công 15,4 triệu cổ phiếu VPB, cũng trong chương trình ESOP này với giá 10,000 VNĐ/cp. Số cổ phiếu VPB do ông Vinh hiện nắm giữ là 31,4 triệu cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ sở hữu 1,24%.

12/12/2019

**Chuyên viên phân tích vĩ mô**
**Thái Thị Việt Trinh**
trinhttv@kbsec.com.vn

# Cán cân thương mại tháng 11
## Dấu hiệu đáng lưu ý

### Cán cân thương mại tháng 11 bất ngờ thặng dư lên tới 1.45 tỷ USD

— Theo số liệu từ Tổng cục Hải Quan, cán cân thương mại tháng 11 thặng dư 1.45 tỷ USD, nâng tổng mức xuất siêu trong 11 tháng đầu năm 2019 lên 10.94 tỷ USD – mức cao nhất từ trước đến nay.

— Khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 1.97 tỷ USD, khu vực FDI (kể cả dầu thô) xuất siêu 3.42 tỷ USD.

### Dấu hiệu đáng lưu ý xuất hiện khi tăng trưởng nhập khẩu có dấu hiệu chững lại

— Kim ngạch nhập khẩu tháng 11 chỉ đạt 21.34 tỷ USD, -1.18% YoY. Đây là lần đầu tiên sau 18 tháng tăng trưởng nhập khẩu ở mức âm.

— Xét diễn biến tăng trưởng theo từng nhóm ngành, *nhóm máy móc – thiết bị và vật tư – linh kiện có dấu hiệu giảm tốc mạnh kể từ tháng 8*, mặc dù tháng 11 – 12 là thời gian cao điểm nhập khẩu các nguyên vật liệu nhằm phục vụ quá trình sản xuất cho giai đoạn Quý 1 năm sau.

— Chúng tôi nhận thấy sau giai đoạn tăng trưởng đột biến (2017 – 2018) nhờ xu hướng chuyển dịch nhà máy, tăng trưởng nhập khẩu hiện đang cho thấy xu hướng chững lại, đặc biệt khu vực doanh nghiệp FDI. Điều này cũng phù hợp với bối cảnh quốc tế với xu hướng giảm tốc của thương mại toàn cầu.

### Tăng trưởng xuất khẩu cũng chậm dần lại, ở các nhóm ngành xuất khẩu chính

— Kim ngạch xuất khẩu tháng 11 đạt 22.79 tỷ USD, +4.8% YoY. Đây là mức tăng trưởng thấp nhất trong vòng 10 tháng qua.

— Xét diễn biến tăng trưởng theo từng nhóm ngành xuất khẩu chủ lực, *nhóm hàng hóa điện tử và may mặc* chưa thấy dấu hiệu phục hồi (đi ngang trong vòng 10 tháng qua) trong khi tăng trưởng xuất khẩu gỗ giảm mạnh. Bộ Công thương thắt chặt kiểm soát các mặt hàng gỗ ép tạm nhập từ Trung Quốc và xuất sang Mỹ có thể là nguyên nhân chính khiến xuất khẩu gỗ giảm mạnh trong thời gian qua.

**Biểu đồ 1. Tăng trưởng các nhóm ngành XK**

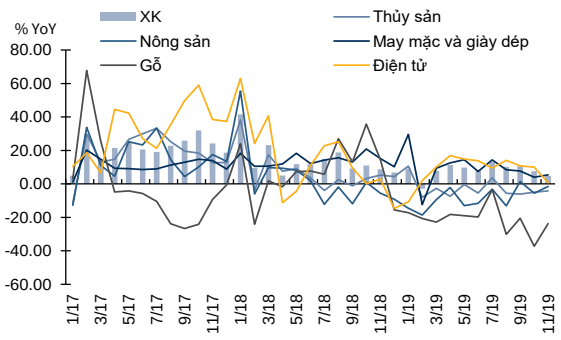


Nguồn: TCHQ, KBSV

**Biểu đồ 2. Tăng trưởng các nhóm ngành NK**

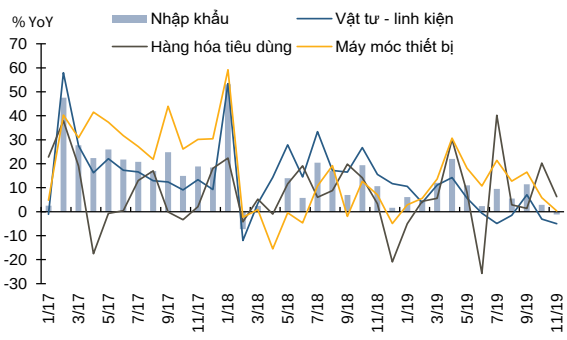


Nguồn: TCHQ, KBSV

12/12/2019

Chuyên viên Chiến lược Thị trường
Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

# Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

## Xu Hướng Kỹ Thuật

**Thị Trường Cơ Sở**

Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

**Xu hướng kỹ thuật**

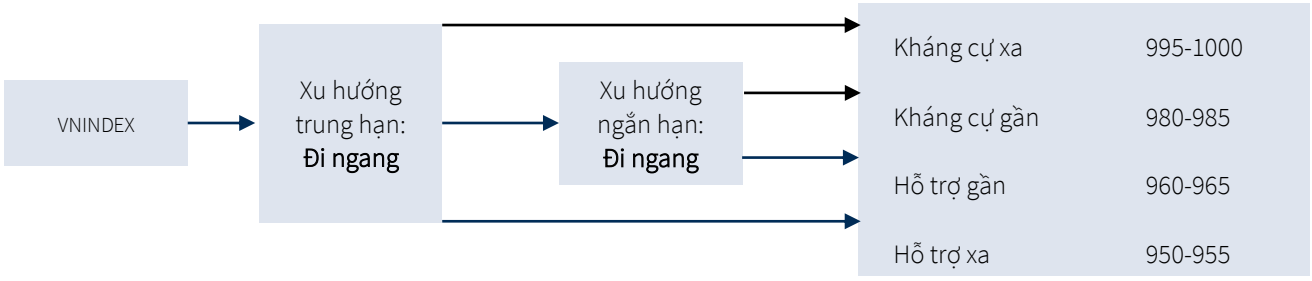


Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

— Sau khi giữ được sắc xanh phiên hôm qua, chỉ số VNIndex đã phục hồi tích cực với gap tăng giá ngay từ đầu phiên.

— Chúng tôi tiếp tục kỳ vọng nhịp hồi phục sẽ tiếp tục được duy trì cho đến khi chỉ số gặp thử thách tại vùng cản 974-980. Sau đó, cơ hội tăng/giảm ngắn hạn sẽ khá cân khi nhiều mã bluechips đã bắt đầu hồi đủ khung thời gian kỳ vọng.

— NĐT được khuyến nghị cân bằng lại vị thế trung hạn và cân nhắc đóng dần các vị thế ngắn hạn trong các phiên sắp tới tại các vùng kháng cự của các mã cổ phiếu riêng lẻ, đồng thời tham chiếu 1 phần vùng kháng cự của chỉ số chung.

**Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30**

Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

— Tương tự VNIndex, chỉ số VN30 cũng đã kéo dài nhịp hồi phục như kỳ vọng.

— Các chỉ số động lượng quay về vùng trung tính nhưng độ lệch dương đã dần thu hẹp.

— NĐT được khuyến nghị lựa các vùng giá tốt trong phiên, đặc biệt là khi VN30 có thể chớm lên vùng đích kỳ vọng tại 89x, để đóng dần các vị thế Long đang nắm giữ.

# KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

**Khối Phân Tích KBSV**

**Phương Pháp Tiếp Cận:**

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều.

| | VN Index | Master Portfolio |
|---|---|---|
| **Tăng trong phiên** | 0.66% | 0.46% |
| **Tăng lũy kế (YTD)** | 8.6% | 8.4% |

**So Sánh hiệu suất với VN Index**

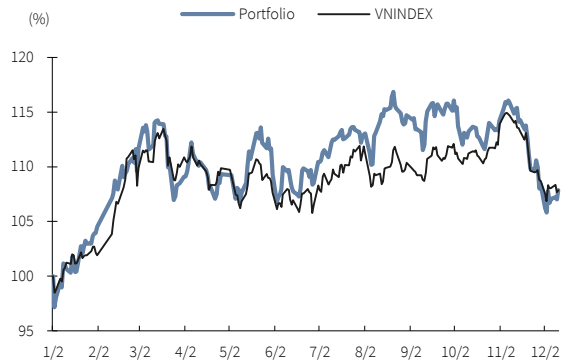


**Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước**

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa 12/12/2019 | Tăng/giảm trong phiên (%) | Tăng/giảm lũy kế (%) | Điểm nhấn đầu tư |
|---|---|---|---|---|---|
| Mobile World (MWG) | 09/08/2019 | 113 | 1.8% | 0.0% | - MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD<br>- BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối<br>- Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu nắm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm |
| Nam Long Invest (NLG) | 03/06/2019 | 28 | 0.4% | 3.7% | - NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền<br>- Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp |
| Phu Nhuan Jewelry (PNJ) | 22/03/2019 | 84 | 1.6% | 11.5% | - Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao<br>- PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay<br>- Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP" |
| Military Bank (MBB) | 18/12/2018 | 22 | 3.3% | 7.4% | - NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC)<br>- Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM<br>- MCredit vẫn đang được đặ nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn |
| Refrig Elec Eng (REE) | 11/10/2018 | 37 | 0.5% | 12.5% | - Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE<br>- Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn |
| FPT Corp (FPT) | 06/09/2018 | 57 | 1.8% | 54.0% | - Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh<br>- Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15%<br>- Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020 |
| Gemadept Corp (GMD) | 22/08/2018 | 23 | 0.0% | -5.4% | - Hoạt động kinh doanh chính kỳ vọng tăng trưởng trở lại<br>- Dự án Nam Đình Vũ giai đoạn 1thúc đẩy tăng trưởng doanh thu<br>- Mảng logistic sẽ tăng trưởng với sự hỗ trợ từ đối tác CJ Logistic |
| Power Const No.1 (PC1) | 06/11/2019 | 18 | -0.8% | -5.4% | - Đóng góp lớn từ dự án BĐS Thanh Xuân và mảng xây lắp đường truyền.<br>- Mảng xây lắp điện kỳ vọng tăng trưởng mạnh do nhu cầu đầu tư từ EVN.<br>- Công suất các nhà máy điện của PC1dự kiến tăng mạnh trong năm 2020. |
| Hoa Phat Group (HPG) | 04/12/2019 | 24 | 0.0% | 4.1% | - Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại<br>- Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục<br>- Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần. |
| Petro Tech Services (PVS) | 15/08/2018 | 17 | -0.6% | -1.7% | - Hàng loạt các dự án dầu khí lớn sẽ được khởi động từ năm 2020 trở về sau<br>- Dự báo EPS cốt lõi 2019-2023 sẽ đạt tăng trưởng kép hàng năm 9.0% |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

### HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|---|---|---|---|
| CTG | 0.3% | 29.3% | 15.1 |
| VRE | 1.9% | 32.7% | 9.5 |
| DXG | 4.0% | 45.4% | 7.4 |
| VNM | 5.8% | 58.6% | 5.1 |
| TCH | 0.1% | 4.4% | 2.5 |
| **Mã** | **Thay đổi (%)** | **Sở hữu nước ngoài (%)** | **Bán ròng (Tỷ VND)** |
| VHM | -1.6% | 15.0% | -59.8 |
| HPG | -2.9% | 38.1% | -27.0 |
| MSN | -0.4% | 39.3% | -18.1 |
| SSI | -1.4% | 55.6% | -15.2 |
| VIC | -1.7% | 15.0% | -14.5 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

### HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|---|---|---|---|
| VCS | 5.2% | 2.1% | 1.7 |
| AMV | -0.6% | 1.9% | 0.5 |
| PVS | -7.0% | 21.8% | 0.3 |
| TA9 | 11.1% | 1.4% | 0.2 |
| PIA | 0.0% | 8.0% | 0.1 |
| **Ticker** | **Thay đổi (%)** | **Sở hữu nước ngoài (%)** | **Bán ròng (Tỷ VND)** |
| HUT | 1.7% | 24.6% | -1.7 |
| PLC | 0.0% | 4.9% | -0.8 |
| SHB | 0.0% | 10.9% | -0.7 |
| INN | -9.7% | 10.3% | -0.4 |
| SHS | -3.7% | 11.4% | -0.1 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

### Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---|---|---|
| Ô tô và phụ tùng | 5.4% | TCH, DRC |
| Tài nguyên Cơ bản | 3.9% | HPG, HSG |
| Công nghệ Thông tin | 3.0% | FPT, ST8 |
| Bán lẻ | 2.6% | MWG, SBV |
| Bảo hiểm | 2.1% | BVH, PGI |
| **5 ngành diễn biến tiêu cực nhất** | **Thay đổi (%)** | **Mã tiêu biểu** |
| Truyền thông | -6.9% | YEG, PNC |
| Dầu khí | -2.0% | PLX, POW |
| Du lịch và Giải trí | -1.6% | HVN, SCS |
| Hóa chất | -0.5% | PHR, HRC |
| Bất động sản | -0.1% | VHM, NVL |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

### Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---|---|---|
| Ô tô và phụ tùng | 11.0% | TCH, DRC |
| Tài nguyên Cơ bản | 8.0% | HPG, NKG |
| Y tế | 2.9% | DCL, TRA |
| Công nghệ Thông tin | 1.3% | FPT, SAM |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | 0.4% | PNJ, TLG |
| **5 ngành diễn biến tiêu cực nhất** | **Thay đổi (%)** | **Mã tiêu biểu** |
| Truyền thông | -20.0% | YEG, PNC |
| Dầu khí | -7.6% | PLX, GAS |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | -4.6% | GAS, POW |
| Thực phẩm và đồ uống | -4.6% | MSN, SAB |
| Bảo hiểm | -3.5% | BIC, BMI |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Khu vực | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, | GTGD (VNDtriệu, USDmn) | Room còn lại (%, -1d) | PER (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | 19E | 20E | | 19E | 20E | 19E | 20E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Bất Động Sản | VIC | VINGROUP JSC | 116,000 | 390,755 (16.864) | 44,421 (1.9) | 21.9 | 74.7 | 44.0 | 44.1 | 6.1 | 8.1 | 5.0 | 4.5 | 0.1 | 0.2 | -2.8 | 21.7 |
| | VHM | VINHOMES JSC | 91,200 | 305,476 (13.184) | 205,946 (8.9) | 34.0 | 16.1 | 11.5 | 34.4 | 32.8 | 35.4 | 5.1 | 3.5 | 0.1 | -0.9 | -6.7 | 24.3 |
| | VRE | VINCOM RETAIL JS | 34,750 | 80,926 (3.493) | 177,813 (7.7) | 16.3 | 29.2 | 22.9 | 8.5 | 9.6 | 10.7 | 2.7 | 2.5 | -0.7 | 0.7 | 0.1 | 24.6 |
| | NVL | NOVA LAND INVES | 56,000 | 53,147 (2.294) | 20,302 (0.9) | 31.4 | 18.3 | 17.3 | -4.3 | 14.6 | 12.1 | 2.3 | - | 0.0 | -0.9 | -3.6 | -12.8 |
| | KDH | KHANG DIEN HOUSE | 27,000 | 14,700 (634) | 8,508 (0.4) | 4.5 | 15.8 | 12.1 | 20.7 | 12.9 | 15.0 | 2.0 | 1.8 | 0.9 | 0.0 | 2.9 | 6.4 |
| | DXG | DAT XANH GROUP | 14,600 | 7,689 (328) | 25,404 (1.1) | 3.6 | 5.4 | 5.1 | 3.3 | 18.6 | 18.2 | 0.9 | 0.9 | 2.8 | 5.0 | -9.3 | -22.0 |
| Ngân hàng | VCB | BANK FOR FOREIGN | 87,500 | 324,527 (14.006) | 51,639 (2.2) | 6.2 | 19.8 | 15.4 | 24.5 | 24.4 | 24.4 | 4.0 | 3.1 | 1.9 | 3.2 | -4.6 | 63.6 |
| | BID | BANK FOR INVESTM | 41,000 | 164,903 (7.117) | 28,127 (1.2) | 12.1 | 26.1 | 18.7 | 15.9 | 12.9 | 14.1 | 2.1 | 2.0 | 2.2 | 2.5 | -2.6 | 19.2 |
| | TCB | VIETNAM TECHNOLO | 23,150 | 81,028 (3.497) | 32,405 (1.4) | 0.0 | 8.6 | 7.3 | 8.5 | 16.8 | 16.5 | 1.3 | 1.1 | 2.0 | -0.4 | -8.0 | -10.4 |
| | CTG | VIETNAM JS COMM | 20,150 | 75,027 (3.238) | 67,484 (2.9) | 0.7 | 10.1 | 8.1 | 30.5 | 10.8 | 13.4 | 1.0 | 0.9 | 1.5 | 0.2 | -8.4 | 4.4 |
| | VPB | VIETNAM PROSPERI | 19,650 | 47,293 (2.041) | 26,754 (1.2) | 0.0 | 6.2 | 5.1 | 13.6 | 20.5 | 20.8 | 1.2 | 0.9 | 2.1 | 0.3 | -9.2 | -1.5 |
| | MBB | MILITARY COMMERC | 21,800 | 50,700 (2.188) | 80,517 (3.5) | 0.0 | 6.8 | 5.9 | 18.3 | 21.2 | 21.0 | 1.3 | 1.1 | 0.0 | -0.2 | -6.4 | 21.0 |
| | HDB | HDBANK | 28,000 | 27,468 (1.185) | 44,072 (1.9) | 6.2 | 8.6 | 7.4 | 12.8 | 18.7 | 19.5 | 1.5 | 1.3 | 0.0 | 0.4 | -5.1 | -7.6 |
| | STB | SACOMBANK | 10,100 | 18,217 (786) | 25,020 (1.1) | 11.4 | 8.3 | 6.2 | 56.6 | 8.6 | 10.3 | 0.7 | 0.6 | 0.5 | 0.5 | -6.0 | -15.5 |
| | TPB | TIEN PHONG COMME | 21,000 | 17,358 (749) | 4,125 (0.2) | 0.0 | 7.0 | 5.4 | 33.5 | 21.8 | 22.4 | 1.4 | 1.1 | 0.0 | -3.7 | -7.1 | 5.3 |
| | EIB | VIETNAM EXPORT-I | 16,750 | 20,593 (889) | 2,487 (0.1) | 0.0 | 26.8 | 26.0 | 9.4 | 5.1 | 8.0 | 1.3 | 1.3 | 0.3 | -0.3 | -9.5 | 19.2 |
| Bảo hiểm | BVH | BAO VIET HOLDING | 68,000 | 47,660 (2,057) | 9,454 (0.4) | 23.7 | 39.5 | 29.7 | 19.2 | 8.3 | 9.6 | 2.8 | 2.6 | 0.0 | 2.7 | -7.9 | -23.6 |
| | BMI | BAOMINH INSURANC | 25,200 | 2,302 (099) | 1,328 (0.1) | 11.5 | 27.0 | - | - | 7.9 | - | 1,011.6 | - | 0.4 | -1.9 | -4.5 | 21.7 |
| Chứng khoán | SSI | SSI SECURITIES C | 19,400 | 9,856 (425) | 26,385 (1.1) | 44.4 | 3.7 | 3.5 | 51.4 | 10.5 | 11.1 | 0.8 | 0.7 | 2.1 | -1.0 | -10.4 | -27.2 |
| | VCI | VIET CAPITAL SEC | 31,900 | 5,243 (226) | 3,845 (0.2) | 62.7 | - | - | - | 14.4 | 16.5 | - | - | 1.3 | -2.1 | -6.3 | -31.5 |
| | HCM | HO CHI MINH CITY | 22,900 | 6,996 (302) | 22,688 (1.0) | 42.7 | 7.9 | 6.5 | 15.7 | 12.5 | 15.3 | - | - | 0.9 | -3.8 | -10.4 | -3.8 |
| | VND | VNDIRECT SECURIT | 14,450 | 3,014 (130) | 3,122 (0.1) | 8.5 | 9.8 | 7.5 | - | 9.8 | 12.7 | - | - | 4.0 | 4.3 | 2.1 | -11.9 |
| Hàng tiêu dùng thiết yếu | VNM | VIET NAM DAIRY P | 119,200 | 207,572 (8,958) | 132,453 (5.7) | 41.5 | 21.3 | 20.1 | 6.9 | 38.7 | 38.1 | 7.4 | 6.8 | 0.5 | 1.2 | -6.5 | -0.7 |
| | SAB | SAIGON BEER ALCO | 233,200 | 149,547 (6,454) | 8,920 (0.4) | 36.7 | 29.7 | 24.1 | 25.1 | 33.5 | 36.0 | 8.8 | 7.7 | 0.0 | 0.6 | -8.5 | -12.8 |
| | MSN | MASAN GROUP CORP | 58,500 | 68,383 (2,951) | 71,800 (3.1) | 9.7 | 15.2 | 13.1 | -1.7 | 13.9 | 14.5 | 2.0 | 1.8 | 5.0 | -5.6 | -22.0 | -24.5 |
| | HNG | HOANG ANH GIA LA | 14,300 | 15,852 (684) | 4,380 (0.2) | 48.6 | - | - | - | - | - | - | - | -1.0 | -1.4 | -3.1 | -10.6 |
| Công nghiệp (vận tải) | VJC | VIETJET AVIATION | 145,200 | 76,061 (3,283) | 64,411 (2.8) | 10.3 | 13.9 | 11.9 | 6.4 | 38.0 | 37.3 | 4.7 | 3.7 | 0.9 | -0.1 | 1.2 | 21.0 |
| | GMD | GEMADEPT CORP | 23,100 | 6,859 (296) | 5,277 (0.2) | 0.0 | 12.5 | 11.6 | -44.5 | 9.5 | 9.7 | 1.1 | 1.1 | 0.9 | -0.9 | -8.0 | -11.7 |
| | CII | HO CHI MINH CITY | 22,750 | 5,638 (243) | 7,345 (0.3) | 19.0 | 11.1 | 10.1 | 147.6 | 11.0 | 12.2 | - | - | 1.1 | 0.2 | -6.2 | -13.5 |
| Công nghiệp (Tư bản) | ROS | FLC FAROS CONSTR | 24,200 | 13,736 (593) | 752,083 (32.4) | 45.5 | - | - | - | - | - | - | - | 0.4 | -1.2 | -3.8 | -37.5 |
| | GEX | VIETNAM ELECTRIC | 19,900 | 9,716 (419) | 15,128 (0.7) | 33.1 | 8.0 | 10.0 | -2.5 | 13.2 | 13.3 | 1.5 | 1.4 | 0.0 | -0.5 | -4.8 | 3.3 |
| | CTD | COTECCONS CONSTR | 63,000 | 4,806 (207) | 4,901 (0.2) | 1.2 | 7.2 | 7.5 | -30.7 | 8.6 | 7.8 | 0.6 | 0.5 | 0.8 | -1.1 | -11.6 | -60.6 |
| | REE | REE | 36,850 | 11,425 (493) | 24,290 (1.0) | 0.0 | 6.5 | 6.3 | 1.1 | 16.8 | 15.9 | 1.1 | 1.0 | 0.1 | 2.4 | -2.0 | 19.6 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Khu vực | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn) | GTGD (VNDtriệu, USDmn) | Room còn lại (%, -1d) | PER (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | 19E | 20E | | 19E | 20E | 19E | 20E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Tiện ích | GAS | PETROVIETNAM GAS | 97,900 | 187,376 (8,087) | 33,779 (1.5) | 45.4 | 15.5 | 15.4 | 2.4 | 25.9 | 25.7 | 3.9 | 3.6 | -0.2 | -0.1 | -6.8 | 13.0 |
| | NT2 | PETROVIETNAM NHO | 22,400 | 6,448 (278) | 7,332 (0.3) | 30.1 | 8.7 | 8.3 | -0.1 | 20.1 | 20.3 | 1.8 | 1.7 | -0.4 | -0.7 | -3.7 | -8.9 |
| | PPC | PHA LAI THERMAL | 29,000 | 9,298 (401) | 9,967 (0.4) | 32.8 | 10.3 | 10.1 | -13.3 | 16.5 | 16.3 | 1.6 | 1.6 | 2.1 | 4.9 | 11.5 | 60.2 |
| Nguyên vật liệu | HPG | HOA PHAT GRP JSC | 24,200 | 66,818 (2.884) | 137,521 (5.9) | 10.9 | 9.1 | 7.2 | 7.0 | 16.9 | 18.2 | 1.4 | 1.2 | -0.8 | 4.8 | 5.2 | 1.6 |
| | DPM | PETROVIETNAM FER | 13,200 | 5,166 (223) | 3,290 (0.1) | 30.0 | 20.0 | 12.2 | -18.4 | 3.6 | 6.0 | 0.6 | 0.6 | 0.0 | 3.1 | -7.0 | -40.8 |
| | DCM | PETRO CA MAU FER | 6,700 | 3,547 (153) | 1,101 (0.0) | 46.5 | 8.9 | 10.8 | - | 6.4 | 5.3 | 0.6 | 0.6 | 0.9 | -1.5 | -6.0 | -35.0 |
| | HSG | HOA SEN GROUP | 8,460 | 3,580 (155) | 39,136 (1.7) | 31.4 | 9.5 | 7.2 | -6.4 | 6.7 | 8.0 | 0.6 | 0.5 | 1.7 | 5.9 | 7.4 | 42.9 |
| | AAA | AN PHAT PLASTIC | 14,050 | 2,405 (104) | 30,045 (1.3) | 37.1 | 6.3 | 6.3 | 49.2 | 16.4 | 16.3 | 0.8 | 0.8 | 0.4 | 0.4 | -10.2 | -4.4 |
| Năng lượng | PLX | VIETNAM NATIONAL | 55,200 | 65,733 (2.837) | 13,107 (0.6) | 6.6 | 16.9 | 16.4 | 10.2 | 19.4 | 20.0 | 3.1 | 3.1 | 0.9 | -2.0 | -7.4 | 4.2 |
| | PVD | PETROVIETNAM DRI | 14,650 | 6,170 (266) | 24,658 (1.1) | 28.3 | 38.3 | 27.8 | 21.2 | 1.3 | 1.8 | 0.5 | 0.5 | 1.4 | -2.3 | -11.7 | 10.4 |
| | PVT | PETROVIET TRANSP | 16,750 | 4,714 (203) | 7,410 (0.3) | 17.1 | 10.4 | 7.2 | 3.1 | 13.2 | 13.4 | 0.9 | 0.8 | 2.1 | -0.6 | -2.9 | 6.7 |
| Hàng tiêu dùng không thiết yếu | MWG | MOBILE WORLD INV | 113,400 | 50,201 (2.167) | 75,422 (3.3) | 0.0 | 13.5 | 10.7 | 25.6 | 34.4 | 32.1 | 4.1 | 3.2 | 0.4 | 2.5 | -7.3 | 30.3 |
| | PNJ | PHU NHUAN JEWELR | 84,000 | 18,695 (807) | 32,297 (1.4) | 0.0 | 16.9 | 14.1 | 20.7 | 27.8 | 28.2 | 4.1 | 3.3 | -0.1 | 2.4 | -1.5 | 20.2 |
| | YEG | YEAH1 GROUP CORP | 37,600 | 1,109 (048) | 1,165 (0.1) | 67.7 | - | 22.7 | -40.0 | -4.1 | 3.6 | 0.8 | 0.8 | -0.5 | -6.7 | -26.0 | -84.0 |
| | FRT | FPT DIGITAL RETA | 27,050 | 2,136 (092) | 2,882 (0.1) | 1.3 | 6.6 | 6.2 | 0.9 | 26.2 | 23.1 | 1.5 | 1.3 | -0.2 | 1.3 | -33.2 | -56.7 |
| | PHR | PHUOC HOA RUBBER | 52,000 | 7,046 (304) | 24,158 (1.0) | 42.2 | 6.5 | 6.5 | 31.3 | 30.8 | 35.3 | 2.3 | 2.0 | 1.0 | -5.3 | -8.6 | 55.5 |
| Chăm sóc sức khỏe | DHG | DHG PHARMACEUTIC | 95,300 | 12,460 (538) | 1,090 (0.0) | 45.6 | 20.9 | 19.6 | 4.0 | 20.1 | 20.0 | 3.7 | 3.5 | 0.0 | 1.4 | 1.4 | 20.6 |
| | PME | PYMEPHARCO JSC | 54,900 | 4,118 (178) | 392 (0.0) | 37.9 | - | - | - | - | - | - | - | 0.2 | 1.7 | -0.2 | -13.5 |
| IT | FPT | FPT CORP | 57,000 | 38,662 (1.669) | 92,580 (4.0) | 0.0 | 12.2 | 10.4 | 24.3 | 24.0 | 24.7 | 2.6 | 2.3 | 0.9 | 3.8 | -6.6 | 48.6 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM


**Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình**
binhnx@kbsec.com.vn

**Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường**

**Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh**
anhtd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh**
trinhttv@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng**
tungla@kbsec.com.vn

**Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)**

**Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu**
hieudd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng**
tungna@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga**
ngaphb@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công**
conglt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền**
huyenntt@kbsec.com.vn

**Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)**

**Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim**
harrison.kim@kbfg.com

**Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung**
dungdpp@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh**
danhnt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh**
vinhn@kbsec.com.vn

**Bộ phận Marketing Research**

**Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin**
shin.sy@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

**Trụ sở chính:**
Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

**Chi nhánh Hà Nội:**
Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

**Chi nhánh Hồ Chí Minh:**
Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

**Chi nhánh Sài Gòn:**
Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

**LIÊN HỆ**
Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn


## Hệ thống khuyến nghị

**Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu**
**(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)**

| Mua: | Nắm giữ: | Bán: |
|---|---|---|
| +15% hoặc cao hơn | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

**Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành**
**(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)**

| Khả quan: | Trung lập: | Kém khả quan: |
|---|---|---|
| Vượt trội hơn thị trường | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |


Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.